

Số: 21 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2023

CHỈ THỊ
Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Năm 2023 là năm tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, yếu tố rủi ro, bất định gia tăng; khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ. Cuộc xung đột Nga - Ucraina chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tại nhiều nền kinh tế lớn phục hồi chậm và suy giảm; tình trạng lạm phát vẫn duy trì ở mức cao; thị trường tài chính, ngân hàng toàn cầu gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là sau sự đổ vỡ của của một số ngân hàng Mỹ, Thụy Sĩ... Các thách thức an ninh phi truyền thống, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... diễn biến bất thường. Trong nước, nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo, thu hút đầu tư,... nhưng bắt đầu có những chuyển biến tích cực, chủ yếu nhờ việc Chính phủ đã kịp thời ban hành, triển khai quyết liệt nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và các cân đối lớn. Các tổ chức quốc tế có uy tín như IMF, WB, OECD,...¹ tiếp tục dự báo triển vọng tích cực về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2023.

Năm 2024, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, nền kinh tế nước ta dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực biến động không ngừng, ngày càng khó lường hơn; các tổ chức quốc tế phải thường xuyên điều chỉnh dự báo để phù hợp với tình hình thực tế. Trong nước, tình hình kinh - tế xã hội vẫn còn những hạn chế, khó khăn; trong đó năng lực sản xuất, chất lượng tăng trưởng, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn chưa cao; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ,... chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Bối cảnh trong nước, quốc tế đòi hỏi các cấp, các ngành phải tiếp tục tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém, kế thừa, phát huy thành quả đã đạt được, hóa giải những khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu đạt hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đề ra, góp phần đẩy mạnh thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021 - 2025. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tập đoàn kinh tế,

¹ IMF (tháng 4/2023) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 khoảng 5,8%; OECD (tháng 01/2023) dự báo khoảng 6,5%; WB (tháng 3/2023) dự báo khoảng 6,3%.

tổng công ty nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) tập trung xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 như sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị², các nghị quyết của Quốc hội³, Chính phủ⁴, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển KTXH năm 2023.

b) Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KTXH 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023; đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh,..., có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2022 và các năm trước dịch Covid-19; các tồn tại, hạn chế, phân tích kỹ các nguyên nhân (chủ quan và khách quan); các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ những biến động mạnh của tình hình thế giới.

c) Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Đánh giá cụ thể việc thực hiện các mục tiêu, bám sát các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nêu tại Nghị quyết, trong đó, làm rõ các kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân chủ quan, khách quan và bài học kinh nghiệm rút ra; trên cơ sở đó, đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cần tập trung thực hiện; khả năng giải ngân thực hiện các chính sách thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH đến hết năm 2023.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024

a) Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở

² Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022; Kết luận số 42-KL/TW ngày 20 tháng 10 năm 2022; Kết luận số 46-KL/TW ngày 23 tháng 12 năm 2022 và các Nghị quyết, Kết luận khác.

³ Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021, Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 và các Nghị quyết khác.

⁴ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021, Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 và các Nghị quyết khác.

đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023; dự báo kịp thời, sát tình hình trong nước, khu vực, thế giới, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng đối với phát triển KTXH của đất nước; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2024 phù hợp, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển KTXH 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025.

b) Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh nước ta phải chịu sự tác động nặng nề với hậu quả còn lâu dài của dịch Covid-19. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển KTXH, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.

c) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phân đấu đạt được mục tiêu theo chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH của cả nước, kế hoạch 5 năm về phát triển KTXH của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2023, so sánh với kết quả thực hiện năm 2022 và thời điểm trước dịch Covid-19); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục, trong đó tập trung đánh giá tác động của xung đột quân sự Nga- Ucraina tình hình lạm phát, tài chính, tín dụng, ngân hàng,..., suy giảm kinh tế toàn cầu, hệ lụy sâu, rộng, kéo dài của dịch Covid-19, tình hình sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu hút FDI, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, thiên tai, dịch bệnh mới phát sinh; đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ... Cụ thể:

a) Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022; Kết luận số 42-KL/TW ngày 20 tháng 10 năm 2022; Kết luận số 46-KL/TW ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; các Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 và số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội; các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2023 và báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết nêu trên theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

Trong đó, tập trung làm rõ một số vấn đề cụ thể sau:

(1) Công tác điều hành, thực hiện nhất quán mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Trong đó, làm rõ công tác điều hành tín dụng, lãi suất, đáp ứng kịp thời vốn cho sản xuất - kinh doanh,...; tình hình sản xuất công nghiệp; xuất nhập khẩu; thu hút đầu tư xã hội, vốn FDI; thị trường trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản...

(2) Công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh; tăng cường năng lực hệ thống y tế, giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

(3) Thực hiện các đột phá lớn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tình hình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển hệ

thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

(4) Tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong đó, cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm gồm đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng; thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

(5) Tình hình thực hiện công tác quy hoạch và phát triển vùng, liên kết vùng; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

(6) Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

(7) Công tác giữ vững độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

(8) Triển khai các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

(9) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

b) Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024

Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 được xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo, song đứng trước nhiều khó khăn, trở ngại. Cạnh tranh chiến lược, phân tách chuỗi cung ứng, trừng phạt lẫn nhau về kinh tế, chạy đua về khoa học công nghệ ngày càng gia tăng. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi⁵ nhưng thị trường tài chính, nợ công tại nhiều quốc gia còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, các nước chú trọng tự chủ chiến lược, tăng cường hợp tác của các quốc gia vừa là thời cơ, vừa là thách thức. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng khó lường.

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; tình hình sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xuất nhập

⁵ Mỹ, một số nền kinh tế lớn có thể sớm dừng tăng lãi suất; sản xuất kinh doanh tại EU có dấu hiệu tích cực; kinh tế Trung Quốc tiếp tục phục hồi;...

khẩu... được kỳ vọng sẽ có nhiều chuyển biến tích cực khi tình hình thế giới được cải thiện, thuận lợi hơn, đồng thời, nhiều chính sách, giải pháp điều hành được sửa đổi, bổ sung và ban hành từ đầu năm đến nay đã và đang phát huy tác động tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế đối mặt với ngày càng nhiều khó khăn, thách thức; khối lượng công việc xử lý ngày càng nhiều, nặng nề hơn; bên cạnh những nhiệm vụ thường xuyên tăng lên, vừa phải tiếp tục xử lý những khó khăn, bất cập trong nội tại nền kinh tế đã tồn đọng, tích tụ nhiều năm, vừa phải ứng phó với các vấn đề bất ngờ phát sinh.

Trong bối cảnh đó, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ucraina, tình hình lạm phát thế giới, tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm, rủi ro an toàn thị trường tài chính, nợ công tại nhiều quốc gia việc điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, các xu hướng, mô hình phát triển mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,..., sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp, nhiều mặt đến Việt Nam...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024.

c) Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn. Trong đó, tập trung cân đối các mục tiêu chủ yếu phù hợp với tình hình thực tiễn, nhằm dự báo khả năng thực hiện thành công Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2024 bảo đảm thống nhất với mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và những định hướng lớn, gồm:

- Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 06 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng⁶.

- Kiên định mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát,

⁶ Nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao năng lực nội tại, tính tự lực, tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế; tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát, thị trường thế giới, khu vực, trong nước, kịp thời nhận biết rủi ro để có đối sách phù hợp, điều hành đồng bộ, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và chính sách vĩ mô khác. Đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu; đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, các chuỗi cung ứng; phấn đấu thặng dư thương mại bền vững.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quán triệt và thể chế hóa kịp thời, chính xác, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII; các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về quản lý và sử dụng đất. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả một số hoạt động hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và thi hành án; chú trọng công tác trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn. Tiếp tục phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn,...

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; thu hút và trọng dụng nhân tài; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho phát triển KTXH; triển khai đồng bộ và hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045; triển khai hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt

động giáo dục đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Xây dựng Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, tăng cường giám sát, kiểm tra. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động; tiếp tục khơi dậy và thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước.

- Tiếp tục phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa quốc phòng, an ninh, đảm bảo giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại. Đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương và chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2024 - 2026 VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA VÀ VAY, TRẢ NỢ CÔNG 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025.

Năm 2024 là năm thứ 4 thực hiện mục tiêu của các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, vay, trả nợ công và đầu tư công trung hạn và cũng là năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách 2023-2025 theo Nghị quyết của Quốc hội. Theo đó, mục tiêu cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 là: Xây dựng và tổ chức điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh thực hiện các công trình đầu tư hạ tầng quan trọng, kết nối vùng và liên vùng, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện cơ chế tự chủ và lộ trình tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Trung ương.

Nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 cần tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

I. DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

1. Về dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, đi đôi với phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2023 cũng như dự toán năm 2024. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; tăng, giảm thu ngân sách khi Chính phủ thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với nhà đầu tư nước ngoài. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân cả nước tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn trên cơ sở có tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

2. Về dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 đảm bảo các quy định của pháp

luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW) và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW). Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cân đối được nguồn thực hiện. Sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Về chi đầu tư phát triển

- Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng⁷, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, miền, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước.

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, kế hoạch Tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2024 bố trí cho các nhiệm vụ, dự

⁷ Nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2023; cương quyết khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

- Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

(i) Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có);

(iii) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024, vốn tham gia vào các dự án PPP, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(iv) Bố trí đủ vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(v) Đối với vốn nước ngoài, số vốn bố trí phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2024 và không có khả năng gia hạn.

(vi) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

b) Về chi NSNN cho các nhiệm vụ theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình tinh giản biên chế và giảm quỹ lương tương ứng với giảm biên chế hành chính theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách như: đoàn ra,

đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định.

d) Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW; các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

đ) Đối với các cơ quan, đơn vị đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù:

Thực hiện khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2023, năm 2024 tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương được cấp có thẩm quyền quy định đối với một số cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước cho tới khi thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg và Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2021 về nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, các cơ quan, đơn vị này báo cáo cụ thể tiến độ, nội dung trình các cấp thẩm quyền về các giải pháp đảm bảo hiệu quả hoạt động khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW; báo cáo số tiết kiệm chi thường xuyên trong các năm 2021-2023; đánh giá đầy đủ nguồn thu - nhiệm vụ chi trong năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo các cấp thẩm quyền cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN.

e) Đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thì không bố trí chi thường xuyên để thực hiện, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

g) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

h) Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền, văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện trong năm 2023, lũy kế số đã thực hiện 03 năm 2021-2023, dự kiến lộ trình thực hiện trong cả giai đoạn 2021-2025, số kiểm tra 03 năm 2023-2025 đã được thông báo và cơ chế tài chính thực hiện đã được phê duyệt, các bộ, cơ quan trung ương chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024 của từng chương trình chi tiết theo từng bộ, cơ quan trung ương và từng địa phương, vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên theo từng lĩnh vực chi NSNN, theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, khả năng giải ngân, tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

i) Cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

k) Các bộ, cơ quan trung ương được giao quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho năm 2024 phù hợp với định hướng mục tiêu phát triển và quy hoạch dự trữ quốc gia trong giai đoạn 2021-2025, khả năng cân đối NSNN.

l) Chi viện trợ từ nguồn NSNN phải phù hợp với mục tiêu, kế hoạch thỏa thuận, hợp tác hằng năm và hiệp định hợp tác song phương cả giai đoạn 2021-2025 với các nước nhận vốn viện trợ của Việt Nam (nếu có) và khả năng cân đối NSNN năm 2024, tổng mức viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ triển khai chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ, khả năng phát sinh các khoản viện trợ đột xuất trong năm.

m) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

n) Đối với các nhiệm vụ, dự án dự kiến bố trí từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước: Trên cơ sở dự toán thu phải nộp NSNN (sau khi trừ chi phí liên quan), lập dự toán chi đầu tư phát triển, được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật, dự kiến số vốn bố trí chi tiết cho từng dự án để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 69/2022/QH15.

3. Đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam thuộc nguồn thu NSNN

Việc xây dựng dự toán thu/chi NSNN năm 2024 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023; hồ sơ, văn kiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê

duyet; cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, tiến độ triển khai thực tế của các khoản viện trợ, khả năng phát sinh và thực hiện các khoản viện trợ mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần phân định rõ tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên để đáp ứng các yêu cầu quản lý.

4. Xây dựng dự toán NSDP

Xây dựng dự toán thu, chi NSDP năm 2024 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương năm 2024, giai đoạn 2023-2025; kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chế độ, chính sách chi NSNN, bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành.

Ngoài các quy định hướng dẫn chung về công tác lập dự toán NSNN, việc lập, xây dựng dự toán NSDP cần chú ý một số nội dung chủ yếu sau:

a) Dự toán thu ngân sách trên địa bàn:

Các địa phương xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu NSNN.

Yêu cầu lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương giao chỉ tiêu phần đầu thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, tác động ngân sách do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế.

Căn cứ tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP đã được Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua dự toán năm 2023 để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2024 của ngân sách từng cấp chính quyền địa phương đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Dự toán chi cân đối NSDP:

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp tại điểm a nêu trên, số bổ sung cân

đổi từ NSTW cho NSDP xác định bằng số được giao năm 2023 (nếu có), số bổ sung từ NSTW cho NSDP để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (phần còn thiếu giữa nhu cầu kinh phí thực hiện cho cả 12 tháng năm 2024 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định của địa phương). Căn cứ mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các giai đoạn 2021-2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2023 để xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

c) Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn cân đối NSDP

- Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công; đánh giá thực hiện năm 2023 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; xây dựng dự toán chi ĐTPT năm 2024, chi tiết nguồn cân đối NSDP, bao gồm: chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có); dự toán chi các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài nước (vốn vay, vốn viện trợ), trên cơ sở đó bố trí đủ vốn đối ứng thuộc trách nhiệm của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2024 theo quy định, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó lưu ý: Ưu tiên thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ngân sách nhà nước tham gia vào các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án liên vùng, dự án đường ven biển, dự án đường cao tốc theo tiến độ thực hiện dự án; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

- Bố trí kinh phí để thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản nợ vay của NSDP phải trả khi đến hạn.

- Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Các địa phương dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho ĐTPT, trong đó ưu

tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

- Đối với sử dụng tiền thu vé tham gia chơi casino: Các địa phương được cơ quan có thẩm quyền thí điểm cho phép người Việt Nam chơi tại điểm kinh doanh casino, sử dụng nguồn thu từ tiền vé tham gia chơi tại điểm kinh doanh casino để chi đầu tư phát triển cho các mục tiêu phúc lợi xã hội, phục vụ cộng đồng, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, trong đó bố trí tối thiểu 60% cho các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề và y tế theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 102/2017/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh Casino.

d) Dự toán chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác: Xây dựng dự toán thành một mục chi riêng trong chi cân đối NSDP, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn; kèm theo thuyết minh mức chi trả chi tiết theo từng nguồn vốn vay (nếu có), gồm: nguồn vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, tín dụng phát triển, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

đ) Đối với bố trí bổ sung quỹ dự trữ tài chính của địa phương: xác định bằng số được giao trong dự toán năm 2023.

e) Dự toán chi thường xuyên của NSDP

Phần còn lại của dự toán NSDP (sau khi đã bố trí chi đầu tư phát triển nguồn cân đối NSDP; chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác; bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách địa phương) được bố trí chi thường xuyên của NSDP. Các địa phương thực hiện giảm dự toán đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện lũy kế đến năm 2023, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có).

Các địa phương lập phương án sử dụng số kinh phí giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo thực tế điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm 2024 theo lộ trình.

g) Dự toán số bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành

Các địa phương báo cáo chi tiết số đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian hưởng theo quy định để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành tính theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng năm 2024 (đối với các chính sách đã được bố trí đủ trong dự toán

chi thường xuyên cân đối NSDP năm 2023 tính theo mức lương cơ sở hiện hành 1,49 triệu đồng/tháng, đã bao gồm đối tượng chuẩn nghèo mới); kinh phí hỗ trợ khai thác hải sản xa bờ, hỗ trợ bảo hiểm y tế cho đối tượng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, cấp bù chi phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm, các chính sách, chế độ mới ban hành có hiệu lực kể từ năm 2023. Căn cứ quy định tại Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025, nguồn kinh phí đã bố trí trong dự toán chi cân đối NSDP năm 2023 để xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP.

h) Dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí của NSDP:

Việc xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí của NSDP thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; trong đó cần chú ý một số nội dung sau:

- Ngân sách cấp tỉnh từng địa phương chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Trên cơ sở mức dư nợ của NSDP ước đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhu cầu vay vốn cho ĐTPT năm 2024 và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP, các địa phương phải đánh giá đầy đủ tác động của nợ NSDP trước khi đề xuất, quyết định các khoản vay mới, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương không vượt quá mức dư nợ tối đa theo chế độ quy định;

- Các địa phương chủ động bố trí chi trả nợ gốc từ các nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo trả nợ đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, đồng thời đảm bảo dư nợ NSDP trong giới hạn theo quy định.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2024-2026

Trên cơ sở các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 07-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW, số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, 7 (Khóa XII) về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 quốc gia và địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Nghị quyết 43/2022/QH15; nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN và dự kiến khả năng thực hiện năm 2023, dự toán NSNN năm 2024:

1. Bộ Tài chính, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và chương

trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh; trong đó, giả định năm 2026 là năm tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hiện hành của giai đoạn 2021-2025 và các cơ chế, chính sách mới nếu đã xác định được.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp.

III. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA VÀ VAY, TRẢ NỢ CÔNG 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Về đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch tài chính quốc gia và vay trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025

Trên cơ sở quyết toán NSNN năm 2021, ước thực hiện dự toán NSNN năm 2022 và đánh giá thực hiện dự toán NSNN năm 2023, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đánh giá lũy kế tình hình thực hiện kế hoạch tài chính – NSNN giai đoạn 2021-2023 so với mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân; những thuận lợi, khó khăn trong tổ chức thực hiện; trên cơ sở đó, đề xuất các kiến nghị, giải pháp trong các năm 2024 và 2025 để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 hoặc kiến nghị điều chỉnh theo quy định (nếu cần thiết).

2. Về đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025

Trên cơ sở các nội dung về đánh giá giữa kỳ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Ban cán sự đảng Chính phủ báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cập nhật, bổ sung tình hình, số liệu, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong 2,5 năm kế hoạch, những thuận lợi, khó khăn, đánh giá khả năng thực hiện so với mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp quyết nghị, trên cơ sở đó đề xuất kiến nghị giải pháp trong 02 năm còn lại để hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch 5 năm trong giai đoạn 2021-2025.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ việc xây dựng Kế hoạch KTXH năm 2024, xây dựng, hoàn thiện Đề cương báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024” của cả nước, phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong tháng 6 năm 2023.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tính toán, xây dựng các

phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2024, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024” trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2023, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố số liệu ước tính thực hiện năm 2023, làm căn cứ cho địa phương kịp thời xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2024.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

Đối với chỉ tiêu GRDP, các địa phương sử dụng số liệu công bố của Tổng cục Thống kê; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2023 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2024.

b) Gửi các dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2023.

Riêng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước báo cáo kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2024 cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2024-2026 VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA VÀ VAY, TRẢ NỢ CÔNG 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán NSNN năm 2024, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công; hướng dẫn nội dung đánh giá giữa kỳ kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025; phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương hoàn thiện Báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, tổng hợp báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Căn cứ các Quyết định của Bộ Chính trị số 71-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 về biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc trung ương giai đoạn 2022 – 2026, số 73-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 về biên chế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập, cơ quan đại

diện Việt Nam ở nước ngoài, các đơn vị sự nghiệp, hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022 – 2026 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, biên chế hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022-2026, Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương xác định biên chế năm 2024 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2024-2026, gửi cơ quan tài chính các cấp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật NSNN.

Các bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW, Kết luận 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW; tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập đến hết năm 2023, kế hoạch năm 2024 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2025 - 2026, tổng hợp vào dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2024 - 2026 theo quy định.

3. Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 28-NQ/TW và Kết luận số 20-KL/TW ngày 16 tháng 10 năm 2021 của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế, trình cấp có thẩm quyền theo quy định. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan báo cáo khả năng cân đối nguồn thực hiện.

4. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

a) Các bộ, cơ quan trung ương

- Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi quy định các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ NSNN đảm bảo phù hợp Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Lập dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của bộ, cơ quan trung ương.

b) Các địa phương hướng dẫn và chỉ đạo việc lập dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT.

130

THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính

Phụ lục
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2023
VÀ DỰ KIẾN NĂM 2024¹

(Kèm theo Chi thị số 24/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2023			DỰ KIẾN NĂM 2024	CƠ QUAN BÁO CÁO SỐ LIỆU
			MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	6-6,5				Bộ KH&ĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	4.400				Bộ KH&ĐT
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	Khoảng 25,4-25,8				Bộ KH&ĐT
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5				Bộ KH&ĐT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	Khoảng 5,0-6,0				Bộ KH&ĐT
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	26,2				Bộ KH&ĐT
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 68				Bộ LĐTBXH
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	Khoảng 27,5				Bộ LĐTBXH
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	Dưới 4				Bộ LĐTBXH
9	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	Giảm khoảng 1-1,5				Bộ LĐTBXH
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	12				Bộ YT
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	32				Bộ YT
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Khoảng 93,2				Bộ YT
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	78				Bộ NN&PTNT
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	95				Bộ TN&MT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Khoảng 92				Bộ KH&ĐT
...	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung... ²						

¹ Theo các Kết luận của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII, Nghị quyết của Quốc hội khóa XV.

² Nêu rõ mục tiêu đề ra và văn bản giao mục tiêu.